QUAN TÂM ĐẾN HỌC TẬP CHO CON CÁI CỦA CHA MẸ LAO ĐỘNG DI CƯ KHU VỰC PHI CHÍNH THỨC KHÔNG CÓ CON ĐI CÙNG TẠI HÀ NỘI VÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Vũ Thị Cúc
Viện NC Con người, Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Tóm tắt: *Tốc độ phát triển kinh tế và đô thị hóa trong giai đoạn hội nhập kinh tế hiện nay đã thu hút dòng người lao động di cư tự do từ nông thôn đến đô thị có sự gia tăng mạnh mẽ, gần đây còn có sự gia tăng của nhóm lao động nữ di cư tự do đến từ các dân tộc thiểu số cũng gây nên nhiều áp lực về y tế, giáo dục đối với hạ tầng tại các đô thị. Thực tế hiện nay, việc tiếp cận với hệ thống giáo dục công lập của con cái người lao động di cư khu vực phi chính thức ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cũng gặp nhiều khó khăn do sự thiếu hụt trường công lập nên nhiều người phải lựa chọn gửi con lại quê nhà để tiện việc học tập và chấp nhận việc làm cha mẹ từ xa, chăm lo học tập cho con từ xa. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, mô hình phân công lao động truyền thống (“nghiêm phụ, từ mẫu”) vẫn còn được duy trì trong gia đình di cư, người mẹ là người đảm nhiệm chính gần như tất cả mọi việc liên quan đến học tập của con từ đóng học phí, định hướng chọn trường, ngành học cho con đến việc họp phụ huynh, theo dõi thông tin học tập của nhà trường. Điều này cung cấp thêm bằng chứng cho thấy mục tiêu giảm khoảng cách giới trong công việc nội trợ, chăm sóc không được trả công trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 cần được tiếp cận cả từ giáo dục trong gia đình.*

Từ khóa: *Giáo dục; Cha mẹ di cư; Gia đình*

PARENTAL INVOLVEMENT IN THE EDUCATION OF LEFT-BEHIND CHILDREN AMONG INFORMAL-SECTOR MIGRANT WORKERS IN HANOI AND HO CHI MINH CITY

Abstract: *This study examines parental involvement in the education of children left behind in their hometowns by informal-sector migrant workers in Hanoi and Ho Chi Minh City, Vietnam. Drawing on survey data from 108 migrant parents with at least one school-aged child (6–17 years old) remaining in their hometown, the study investigates three dimensions of parental involvement: financial and material support for education, support for children’s learning development and educational orientation, and monitoring and supervision of academic activities. The findings reveal that despite economic constraints and geographical separation, migrant parents continue to prioritize their children’s education, particularly by covering educational expenses and maintaining regular communication to monitor academic progress. However, their participation in school-related activities and direct educational support remains limited. Significant gender differences are observed in parental responsibilities, with mothers assuming a greater role in financing, monitoring, and managing their children’s education, while fathers are more involved in providing technological guidance for learning. Parental educational attainment and digital literacy are also associated with differences in educational involvement. These findings highlight the persistence of traditional gender roles in migrant families and underscore the importance of promoting more equitable parental responsibilities and strengthening digital literacy among informal-sector migrant parents to enhance their capacity to support their children’s education remotely.*

Keywords: *Parental involvement; Left-behind children; Informal-sector migrant workers; Children’s education; Gender roles.*

Nhận bài: 25/09/2026 *Phản biện: 26/10/2026* *Duyệt đăng: 29/10/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 cho thấy, cả nước có khoảng 4 triệu người di cư, chiếm 4,3% dân số từ 5 tuổi trở lên, trong đó di cư nông thôn - thành thị chiếm tỷ lệ lớn. Nghiên cứu của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) chỉ ra rằng, tỷ lệ người lao động Việt Nam tham gia thị trường lao động phi chính thức chiếm đến 70% (Tổng cục Thống kê & Tổ chức Lao động Quốc tế, 2022). Theo Thông cáo báo chí về tình hình lao động việc làm quý I/2026 của Cục Thống kê, tỷ lệ lao động phi chính thức chiếm 62,2%, trong đó nam giới là 65,6%, nữ giới 58,3%; khu vực thành thị chiếm 48,4% và nông thôn là 71,1% (https://www.nso.gov.vn).

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu diễn biến phức tạp, người lao động di cư khu vực phi chính thức là nhóm dễ bị tổn thương, phải đối mặt với những khó khăn về việc làm, thu nhập và điều kiện sinh hoạt nên nhiều người phải gửi con ở quê nhà nhờ ông bà chăm sóc (Phạm Thị Huyền Trang & Phạm Thị Hằng Nga, 2023). Việc cha mẹ di cư lao động tác động mạnh mẽ đến đời sống của các thành viên gia đình, đặc biệt là người già và trẻ em, trong đó trẻ em là nhóm dễ bị tổn thương khi phải sống xa cha mẹ.

Từ góc độ lý thuyết trao đổi và lý thuyết kinh tế mới về di cư, việc cha mẹ lựa chọn di cư và để con ở quê nhà xuất phát từ sự cân nhắc giữa chi phí và

lợi ích kinh tế, đồng thời gắn với mục tiêu đảm bảo phúc lợi gia đình trong điều kiện nguồn lực hạn chế. Đối với những người cha mẹ lao động di cư tham gia nghiên cứu này, quyết định để con ở quê nhà phần lớn do thu nhập và việc làm không đủ để đầu tư cho con học tập tại thành phố. Có 63% số cha mẹ tham gia nghiên cứu phải để con ở quê nhà vì "Thu nhập không đủ để đầu tư cho con học ở thành phố" và 75% vì "Thu nhập không đủ sức chi trả cho các chi phí sinh hoạt ở thành phố". Trong hoàn cảnh đó, cha mẹ di cư phải tổ chức, sắp xếp cuộc sống như thế nào để vừa đảm bảo mục tiêu kinh tế, vừa thực hiện trách nhiệm chăm sóc học tập cho con là những nội dung trọng tâm được tìm hiểu trong bài viết này.

II. DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU

Nội dung bài viết được phân tích dựa trên số liệu khảo sát bảng hỏi đối với 108 trường hợp những người cha mẹ lao động di cư khu vực phi chính thức tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có ít nhất 01 người con trong độ tuổi học sinh phổ thông (từ 6-17 tuổi) hiện vẫn còn đang đi học ở quê nhà.

Biến số độc lập: Độ tuổi của người trả lời; Giới tính; Trình độ học vấn; Nghề nghiệp chính.

Biến số phụ thuộc: Cha mẹ quan tâm đến học tập của con gồm 3 nhóm chỉ báo (1) Cha mẹ hỗ trợ về vật chất và các điều kiện học tập; (2) Cha mẹ hỗ trợ về phát triển năng lực và định hướng học tập; (3) Cha mẹ giám sát và quản lý việc học của con.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

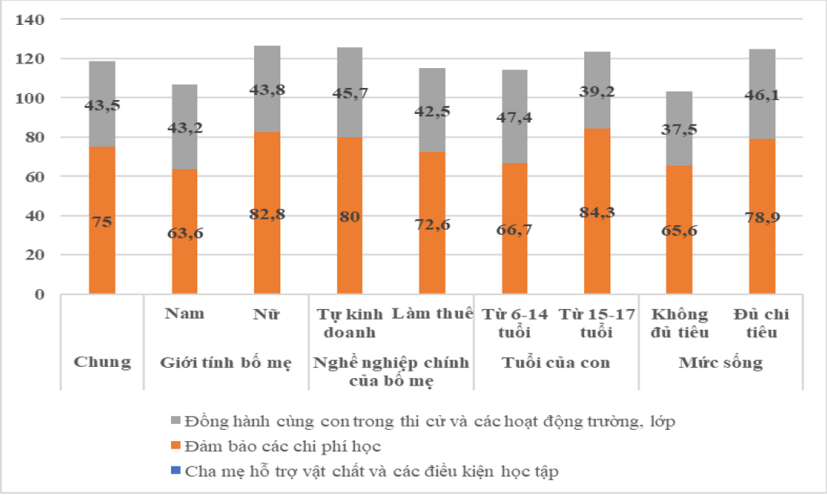
3.1. Cha mẹ di cư không có con đi cùng hỗ trợ về vật chất và các điều kiện học tập cho con

3.1. Cha mẹ di cư không có con đi cùng hỗ trợ về vật chất và các điều kiện học tập cho con

Việc hỗ trợ về vật chất và các điều kiện học tập cho con được phân tích dựa trên hai chỉ báo: Đảm bảo các chi phí học tập như đóng học phí, mua sách vở, đồ dùng học tập và các chi phí liên quan; Đồng hành đưa đón con đi học và tham gia các hoạt động ở trường. Kết quả phân tích cho thấy, mặc dù điều kiện kinh tế khó khăn nhưng có đến 75% số cha mẹ tham gia nghiên cứu luôn ưu tiên đảm bảo các chi phí học tập cho con, đây là tỷ lệ cao nhất trong các hoạt động. Tuy nhiên, chỉ có 43,5% số cha mẹ thực hiện được việc đồng hành đưa đón con đi học và tham gia các hoạt động ở trường. Do hoàn cảnh di cư, cha mẹ thường chỉ thu xếp công việc để đồng hành cùng con trong những kỳ thi quan trọng như thi chuyển cấp hoặc thi học kỳ: "... bận chớ, nhưng bận đến cỡ nào thì khi con thi hết cấp 2, cấp 3 cũng phải cố gắng dành thời gian về chăm sóc, động viên, đưa con đi thi, cũng coi đó là dịp để về thăm nhà, vì những dịp đó đâu có nhiều đâu... mỗi lần thi đó là dấu mốc quan trọng trong cuộc đời của con nên cha mẹ cũng cố gắng..." (phỏng vấn sâu, nam lao động di cư, làm nghề tự do, Thành phố Hồ Chí Minh). Một trường hợp khác chia sẻ: "... khi con đi thi tốt nghiệp chủ nhà tạo điều kiện cho về, khi chủ nhà đi nghỉ thì xin về với con trong thời gian đó..." (phỏng vấn sâu, phụ nữ di cư, giúp việc gia đình tại Hà Nội).

Có sự khác biệt thống kê trong tỷ lệ cha mẹ thực hiện hai hoạt động này theo độ tuổi của con. Đối với việc đồng hành trong thi cử, đưa đón con đi học và tham gia các hoạt động ở trường, tỷ lệ cha mẹ thực hiện ở nhóm con từ 6–14 tuổi là 47,7%, cao hơn nhóm con từ 15–17 tuổi (39,2%). Ngược lại, tỷ lệ cha mẹ đảm bảo các chi phí học tập cho con từ 15–17 tuổi đạt 84,3%, cao hơn nhóm con từ 6–14 tuổi (66,7%) (Biểu đồ 1).

Biểu đồ 1. Cha mẹ lao động di cư không có con đi cùng hỗ trợ vật chất và các điều kiện học tập cho con theo một số yếu tố tương quan (%)



Phân tích tương quan theo các đặc điểm của cha mẹ cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với yếu tố giới tính. Tỷ lệ người mẹ thực hiện các hoạt động hỗ trợ vật chất và điều kiện học tập cho con đều cao hơn người bố. Cụ thể, có 82,8% người mẹ đảm bảo các chi phí học tập cho con, trong khi tỷ lệ này ở người bố là 63,6%. Tương tự, tỷ lệ người mẹ đồng hành cùng con trong thi cử, đưa đón con đi học và tham gia các hoạt động ở trường là 43,8%, cao hơn một chút so với người bố (43,2%).

Một điểm khác biệt của nhóm cha mẹ lao động di cư để con ở quê nhà là sự tham gia của các thành viên gia đình mở rộng như ông bà và những người thân trong việc chăm sóc học tập cho trẻ. Có 12,3% trường hợp ông bà hoặc họ hàng là người thực hiện chính việc đồng hành, đưa đón con đi học. Mặc dù tỷ lệ này không cao nhưng sự hỗ trợ của gia đình mở rộng có ý nghĩa quan trọng đối với những gia đình có cha mẹ di cư làm ăn xa, bởi việc đưa đón, đồng hành cùng trẻ và giải quyết những vấn đề phát sinh tại trường học đều cần sự giúp đỡ của ông bà: "... hai vợ chồng nó đi làm nên cô phải đưa đón hộ, giúp được ít nào thì giúp, bố mẹ nó bận làm ăn thì mình phải giúp con để cho nó vượt qua... cháu mà nghịch ngợm hay là ở trường có việc mà nhà trường gọi thì bà đến, bà đi được" (phỏng vấn sâu, bà nội đang chăm sóc cháu học cấp 1 và cấp 2 tại Hà Nội).

3.2. Cha mẹ hỗ trợ phát triển năng lực và định hướng học tập của con

Việc cha mẹ hỗ trợ phát triển năng lực và định hướng học tập của con được tìm hiểu dựa trên bốn chỉ báo: Tìm hiểu, cho con học thêm các môn năng khiếu, kỹ năng sống; Định hướng chọn trường, chọn ngành học cho con; Hướng dẫn con sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin để học tập; Định hướng nghề nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ cha mẹ định hướng chọn trường, ngành học dựa trên sở thích, thế mạnh của con đạt 58,3% và định hướng nghề nghiệp cho con đạt 54,6%. Trong khi đó, việc cho con học thêm các môn năng khiếu, kỹ năng sống và hướng dẫn con sử dụng công nghệ, ứng dụng trong học tập còn hạn chế, chỉ có hơn 30% số cha mẹ thực hiện đối với mỗi hoạt động.

Có sự khác biệt thống kê giữa nghề nghiệp của cha mẹ với việc tìm hiểu, cho con học thêm các môn năng khiếu, kỹ năng sống. Nhóm cha mẹ đi làm thuê thực hiện hoạt động này với tỷ lệ 35,6%, cao hơn nhóm cha mẹ tự kinh doanh (20%; *P<0,01).

Giới tính của cha mẹ có liên quan đến việc hướng dẫn con sử dụng công nghệ để học tập. Đối với người lao động di cư khu vực phi chính thức, trình độ học vấn và điều kiện kinh tế hạn chế khiến việc đầu tư thiết bị và hướng dẫn con sử dụng công nghệ gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, tỷ lệ người bố hướng dẫn con sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin để học tập đạt 40,9%, cao hơn người mẹ (25%; *P<0,1). Mức độ thành thạo công nghệ của cha mẹ cũng có mối quan hệ với hoạt động này. Chỉ có 14% số cha mẹ không thành thạo công nghệ hướng dẫn con sử dụng công nghệ để học tập, tỷ lệ này tăng lên 36,6% ở nhóm tương đối thành thạo và 52% ở nhóm rất thành thạo, cao gấp hơn ba lần so với nhóm không thành thạo (***P<0,01).

Mức độ cha mẹ hiểu rõ khả năng học tập của con có mối quan hệ chặt chẽ với 3/4 hoạt động hỗ trợ phát triển năng lực và định hướng học tập. Nhìn chung, cha mẹ càng hiểu rõ khả năng học tập của con thì càng tham gia nhiều hơn vào các hoạt động này. Có 76,3% số cha mẹ hiểu rõ khả năng học tập của con thực hiện việc định hướng chọn trường, ngành học dựa trên sở thích, thế mạnh của con (***P<0,001) và 71,1% thực hiện định hướng nghề nghiệp (**P<0,05). Tương tự, tỷ lệ cha mẹ hiểu rõ khả năng học tập của con tìm hiểu, cho con tham gia các môn năng khiếu đạt 47,4%, cao hơn nhóm cha mẹ không hiểu rõ khả năng học tập của con (21,4%; **P<0,05).

Như vậy, việc hỗ trợ phát triển năng lực và định hướng học tập cho con của cha mẹ lao động di cư cho thấy sự phân công theo giới khá rõ nét. Người bố có tỷ lệ thực hiện hoạt động hướng dẫn con sử dụng công nghệ để học tập cao hơn, trong khi người mẹ đảm nhiệm nhiều hơn việc đóng học phí, cho con tham gia các lớp kỹ năng sống và những hoạt động hỗ trợ học tập khác.

3.3. Cha mẹ giám sát và quản lý việc học tập của con

Nghiên cứu tìm hiểu cách thức cha mẹ giám sát và quản lý việc học tập của con dựa trên bốn chỉ báo: Gọi điện kiểm tra, nhắc nhở việc học tập, theo dõi thời gian biểu ở trường/học thêm/ở nhà của con; Cùng người nhà giám sát việc sử dụng điện thoại, mạng xã hội của con; Theo dõi, nhận thông tin học tập qua các kênh liên lạc của nhà trường; Tham dự họp phụ huynh, giữ liên lạc với giáo viên chủ nhiệm.

Kết quả phân tích cho thấy, gọi điện kiểm tra, nhắc nhở việc học tập và theo dõi thời gian biểu

của con là hoạt động được cha mẹ di cư không có con đi cùng thực hiện nhiều nhất. Có 65,7% số cha mẹ tranh thủ thời gian rảnh hoặc gọi điện hằng ngày để kiểm tra, nhắc nhở việc học tập của con. Bên cạnh đó, có 46,3% cha mẹ phối hợp cùng người nhà giám sát việc sử dụng điện thoại, mạng xã hội của con. Hai hoạt động còn lại là theo dõi, nhận thông tin học tập qua các kênh liên lạc của nhà trường và tham dự họp phụ huynh, giữ liên lạc với giáo viên chủ nhiệm có tỷ lệ tương ứng là 45,4% và 38,9% (Bảng 1).

Phân tích tương quan cho thấy, các đặc điểm của con không có mối quan hệ thống kê với cách thức cha mẹ giám sát và quản lý việc học tập. Tuy nhiên, giới tính của cha mẹ có liên quan đến tất cả các hoạt động này, trong đó tỷ lệ người mẹ thực hiện đều cao hơn người bố. Cụ thể, có 81,2% người mẹ gọi điện kiểm tra, nhắc nhở việc học tập và theo dõi thời gian biểu của con, cao gần gấp hai lần người bố (43,2%). Đối với việc theo dõi, nhận thông tin học tập qua các kênh liên lạc của nhà trường, tỷ lệ người mẹ thực hiện đạt 59,4%, trong khi người bố chỉ có 25%. Tương tự, tỷ lệ người mẹ phối hợp cùng người nhà giám sát việc sử dụng điện thoại, mạng xã hội của con đạt 53,1%, cao hơn người bố (36,4%); tỷ lệ tham dự họp phụ huynh, giữ liên lạc với giáo viên chủ nhiệm cũng có sự chênh lệch đáng kể giữa người mẹ (53,1%) và người bố (18,2%).

Bảng 1. Cha mẹ lao động di cư không có con đi cùng giám sát và quản lý học tập của con phân tích theo một số yếu tố tương quan (%)

	Gọi điện kiểm tra, nhắc nhở việc học tập, theo dõi thời gian biểu ở trường/ học thêm/ở nhà của con	Cùng người nhà giám sát việc sử dụng điện thoại, mạng xã hội của con	Theo dõi, nhận thông tin học tập qua các kênh liên lạc của nhà trường	Tham dự họp phụ huynh, giữ liên lạc với giáo viên chủ nhiệm
Giới tính của con				
Nam	66,7	45,8	45,8	39,6
Nữ	65	46,7	45	38,3
Tuổi của con				
Jun-14	61,4	43,9	47,4	38,6
15-17	70,6	49	43,1	39,2
Giới tính cha mẹ	***	*	***	***
Nam	43,2	36,4	25	18,2
Nữ	81,2	53,1	59,4	53,1
Học vấn cha mẹ	**			
Tiểu học	53,5	39,5	39,5	34,9
Trung học cơ sở trở lên	73,8	50,8	49,2	41,5
Nghề nghiệp của cha mẹ				
Tự kinh doanh	62,9	51,4	45,,7	37,1
Làm thuê	67,1	43,8	45,2	39,7
Mức độ thành thạo CNTT				
Không thành thạo	64,3	35,7	33,3	33,3
Tương đối	63,4	51,2	53,7	46,3
Rất thành tạo	72	56	52	36
Mức sống				
Không đủ chi tiêu	68,8	40,6	50	43,8
Đủ chi tiêu	64,5	48,7	43,4	36,8
Chung	65,7	46,3	45,4	38,9

*(Mức ý nghĩa thống kê * p<0,1; ** p<0,05; ***p<0,01)*

Ngoài khác biệt về giới, phân tích số liệu chỉ tìm thấy một nội dung có mối quan hệ thống kê với trình độ học vấn của cha mẹ là gọi điện kiểm tra, nhắc nhở việc học tập và theo dõi thời gian biểu của con. Theo đó, cha mẹ có trình độ học vấn cao hơn thực hiện hoạt động này nhiều hơn. Có 73,8% cha mẹ có học vấn từ trung học cơ sở trở lên thực hiện việc giám sát học tập của con, trong khi tỷ lệ này ở nhóm cha mẹ có học vấn tiểu học trở xuống là 53,5%.

Mặc dù các hoạt động giám sát khác không có mối quan hệ thống kê với những đặc điểm của cha mẹ, kết quả phân tích vẫn cho thấy xu hướng cha mẹ có học vấn cao hơn, tự kinh doanh, buôn bán, mức sống gia đình đủ chi tiêu và thành thạo công nghệ thực hiện các hoạt động giám sát học tập từ xa nhiều hơn. Chẳng hạn, tỷ lệ cha mẹ phối hợp cùng người nhà giám sát việc sử dụng điện thoại, mạng xã hội của con ở nhóm có học vấn từ trung học cơ sở trở lên là 50,8%, cao hơn nhóm có học vấn tiểu học (39,5%). Tỷ lệ này ở nhóm cha mẹ tự kinh doanh đạt 51,4%, cao hơn nhóm làm thuê (43,8%); ở nhóm gia đình đủ chi tiêu là 48,7%, cao hơn nhóm không đủ chi tiêu (40,6%). Tương tự, có 56% cha mẹ rất thành thạo công nghệ thực hiện hoạt động này, giảm xuống 51,2% ở nhóm tương đối thành thạo và 35,7% ở nhóm không thành thạo. Xu hướng tương tự cũng được ghi nhận đối với việc tham dự họp phụ huynh, nhận thông tin học tập qua các kênh liên lạc của nhà trường và gọi điện kiểm tra, nhắc nhở con học tập.

IV. KẾT LUẬN

Như vậy, việc thực hiện các hoạt động chăm sóc học tập cho con của cha mẹ lao động di cư không có con đi cùng của nghiên cứu này cũng cho thấy vai trò giới vẫn tồn tại trong mô hình phân công giữa người vợ và người chồng khi thực hiện các trách nhiệm chăm sóc con phù hợp với sự thuận lợi về mặt sinh học và sự phân công của xã hội. Cụ thể, trong các hoạt động học tập việc đưa đón, đồng hành cùng con trong thi cử, học tập và việc hướng dẫn con sử dụng công nghệ để học tập đều là những việc người cha thực hiện nhiều hơn. Còn người mẹ, người phụ nữ trong gia đình vốn luôn được phân vai là người tay hòm chìa khóa, chăm lo nội trợ, chi tiêu hàng ngày trong gia đình nên họ cũng làm chính việc đóng học cho con, cho con tham gia học thêm các lớp kỹ năng sống.. nhiều hơn. Điều này cũng gợi ra rằng, cần nâng cao hơn nữa năng lực, kỹ năng số cho cha mẹ lao động di cư phi chính thức, đặc biệt là người mẹ để họ có thể đồng hành, hỗ trợ cùng con trong học tập tốt hơn trong bối cảnh công nghệ số ngày càng phát triển mạnh mẽ và việc thực hiện quyết liệt chính sách chuyển đổi số của Đảng và nước ta hiện nay.

Bài viết là sản phẩm của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ số 111/HĐKH-KHXH "Chăm sóc và giáo dục con lứa tuổi học sinh phổ thông của cha mẹ di cư khu vực phi chính thức tại thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh" (Mã số KHXH/NV/2025-80), do ThS.NCVC Vũ Thị Cúc làm chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới chủ trì thực hiện 2025-2026.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phạm Thị Huyền Trang, & Phạm Thị Hằng Nga. (2023). Lao động di cư nội địa tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. Trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Chính sách an sinh xã hội đối với lao động di cư ở Việt Nam (tr. 273–284). Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

Tổng cục Thống kê, & Tổ chức Lao động Quốc tế. (2022). Tổng quan về lao động có việc làm phi chính thức ở Việt Nam. Nhà xuất bản Thanh niên.

Cục Thống kê. (2026). Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý I năm 2026. https://www.nso.gov.vn/